

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14 /2025/HNGĐ-ST

Ngày 20/6/2025

Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thu Phương

Bà Đinh Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y - tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp: “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh ngày 16/7/1990 .

Số định danh cá nhân 037190014243

Địa chỉ: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh ngày 09/4/1981;

Số định danh cá nhân 037081018295.

Nơi đăng ký HKTT: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: xóm F, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình .

Tại phiên tòa, chị M có mặt; anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị M trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn H được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 16/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ của chị tại xóm A, xã K, huyện Y. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh H thường xuyên uống rượu nên dẫn đến vợ chồng cãi đánh chửi nhau nhiều lần, anh H đã đập phá tài sản, đập phá đồ thờ; chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi cách sống, anh H có những lời nói xúc phạm bố mẹ chị. Đến cuối năm 2022, anh H đã tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh là nhà bà Phạm Thị Ý tại xóm F, xã K, huyện Y. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để chị có điều kiện ổn định cuộc sống. Về con chung: chị và anh H có hai con chung là cháu Đỗ Lê Quỳnh M1, sinh ngày 18/11/2012 và cháu Đỗ Khởi M2, sinh ngày 25/7/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nghề nghiệp của anh H làm gì chị không nắm được. Nghề nghiệp hiện nay của chị làm nhân viên điều dưỡng tại phòng khám T1 thu nhập 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh H không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

** Bị đơn- Anh Đỗ Văn H không có ý kiến trình bày gì mặc dù Toà án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ.*

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M, xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Đỗ Văn H. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung là cháu Đỗ Lê Quỳnh M1, sinh ngày 18/11/2012 và cháu Đỗ Khởi M2, sinh ngày 25/7/2017. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai

triệu đồng) kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, khi cần thiết cả hai có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về án phí ly hôn: chị Lê Thị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Lê Thị M và anh Đỗ Văn H kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 16/7/2011. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà bố mẹ chị M. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc sau đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm cách sống. Cuối năm 2022 anh H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh tại xã K và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Mẹ đẻ chị M cũng đã cung cấp về mâu thuẫn của anh chị. Toà án cũng đã có biên bản xác minh về mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh H tại xã K và xã K và đã được Chính quyền địa phương 02 xã cung cấp về mâu thuẫn vợ chồng anh chị, hiện anh chị không còn chung sống cùng nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh H có mặt tại địa phương nhưng không đến Toà án làm việc. Chị M đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án. Đến nay chị M kiên quyết xin ly hôn do xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị M xử cho chị M được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung*: Chị M và anh H có hai con chung là cháu Đỗ Lê Quỳnh M1, sinh ngày 18 tháng 11 năm 2012 và cháu Đỗ Khởi M2, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị M. Nguyên vọng của chị M được nuôi dưỡng các con, các con cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao hai con chung là cháu Đỗ Lê Quỳnh M1 và cháu Đỗ Khởi M2 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không trực tiếp nuôi con nên có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con. Về mức cấp dưỡng cần buộc anh H cấp dưỡng cho hai cháu, mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000đồng kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi như đề nghị của chị M là phù hợp. Anh H được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[3].*Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị M không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị M.

Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Đỗ Văn H. Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị M được trực tiếp chăm sóc cháu Đỗ Lê Quỳnh M1, sinh ngày 18/11/2012 và cháu Đỗ Khởi M2, sinh ngày 25/7/2017. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, khi cần thiết cả hai có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí BLTU/23 số 0001812 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn H phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, chị M có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND H, Y
- Chi cục thi hành án Ds TP Y
- UBND xã
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy